

HOA NÔNG NỮ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :304

sáng; Bún thốt bỏ cá rô tía gia rau hưng hạnh
tay
Sữa grow
Trở lại : Cơm cá diêu hồng sốt chanh dứa
lô. canh cải ngọt tôm tươi thốt heo nạc
Món luộc: Bún
Xe: Sữa grow
Xe chiều: Cháo tôm heo thốt cá rô tía khoai tây

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 37017				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân gia(đ/100g)	Thành tiền(đ)
	*CHỒ			
1	Ram (muối)	3,000	1,060	31,800
2	Tôm biển	1,500	30,980	464,700
3	Cá diêu	9,500	22,890	2,174,550
4	Nước mắm Cá (loại 1)	4,000	5,940	237,600
5	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
6	Nhông cắt	4,000	3,780	151,200
7	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
8	Xì dầu	1,000	990	9,900
9	Gạo tẻ máy	25,000	2,630	657,500
10	Hạnh lã	1,500	5,360	80,400
11	Hạnh củ tươi	1,000	5,780	57,800
12	Gia nấu xanh	1,000	2,520	25,200
13	Cá rô	5,000	5,460	273,000
14	Khoai tây	2,000	3,890	77,800
15	Rau hưng	100	11,870	1,187
16	Súp lơ	3,500	8,610	301,350
17	Cải trắng, cải ngọt	7,000	4,620	323,400
18	Bí (bầu)	4,000	3,990	159,600
19	Hạnh tây	500	3,570	17,850
20	Bún	18,000	1,710	307,800
21	Thịt lợn nạc	4,700	18,380	863,860
22	Thịt bò loại 1	3,500	37,800	1,323,000
23	Tôm lớn	3,000	26,470	794,100
24	Chanh	4,000	4,520	180,800
Cong				8,752,180
	*XUẤT KHO			
25	Sữa bột Abbott Grow	12,200	20,500	2,501,000
Cong				2,501,000
Tổng tiền thức phẩm				11,253,180 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nộp chi trong ngày				11248000(đ)
Số dư đầu ngày				0(đ)
Số dư cuối ngày				-5180(đ)
Xuất ăn lũy kế từ đầu tháng				
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng				